

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **38/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/5/2022

V/v ly hôn giữa chị N và anh K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoàng Diễm.

Ông Dương Văn Na.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 551/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1988;

HKTT: ấp T, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Hiện đang tạm trú tại: ấp A, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị N, anh K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 29/4/2022, lời trình bày tại các biên bản trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc Đăng K kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Sau này, do vợ chồng làm ăn thất bại nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Từ tháng 3/2021 đến nay, anh K đã trở về nhà sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Chị và anh K đều có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn Chí B, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015 và Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2020 đang sống chung với anh K. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh K được trực tiếp nuôi 02 con.

Về tài sản chung: Chị và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc cá nhân nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đăng K trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh K đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh K.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh K không tự khắc phục được. Trong suốt quá trình tố tụng, anh K vắng mặt; điều đó cho thấy anh K không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh K đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, có 02 con chung tên Nguyễn Văn Chí B, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015 và Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2020; chị N đồng ý để anh K tiếp tục nuôi 02 con chung. Xét thấy 02 con chung đang sống chung với anh K, cháu B có nguyện vọng được sống với anh K nên đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của chị N, giao 02 con chung cho anh K tiếp

tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung chị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Ngọc Đăng K là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh K hiện đang cư trú tại xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh K vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh K vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Chị N có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Ngọc Đăng K kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/11/2015 (số 85/2015, quyển số I/2015) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị N xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau; sau này công việc làm ăn thất bại nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Từ tháng 3/2021 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Tại biên bản xác minh của Tòa án, thành viên khác trong gia đình anh K (cha ruột anh K) cũng xác định anh K và chị N đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K không tham gia phiên hòa giải; điều đó cho thấy, anh K không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ; chị N vẫn cương quyết xin ly hôn với anh K. Từ đó có cơ sở để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số 209 ngày 04/11/2015 và Giấy khai sinh số 96 ngày 20/7/2020 do Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp thì chị N và anh K có 02 người con chung tên Nguyễn Văn Chí B,

sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015 và Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2020. Chị N đồng ý giao 02 con cho anh K nuôi dưỡng và chị tự nguyện lo cho con theo khả năng của mình. Xét thấy, trong quá trình tố tụng chị N thừa nhận do công việc làm ăn và do chị còn 01 người con riêng còn nhỏ nên chị không có khả năng lo cho 02 con chung với anh K. Vì vậy, sau khi anh K về Bến Tre sinh sống thì chị đã dẫn 02 con về giao cho anh K nuôi dưỡng. Qua xác minh thực tế thì hiện nay cháu B và cháu T đang sống cùng anh K, 02 cháu cũng được anh K và gia đình hỗ trợ chăm sóc rất tốt; cháu B cũng có nguyện vọng được sống cùng anh K. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử giao cho anh K trực tiếp nuôi cháu B và cháu T là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh K vắng mặt, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K về yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai tài sản chung chị và anh K sẽ tự thỏa thuận; nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh K vắng mặt, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K về phần tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mộng N ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đăng K.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Văn Chí B, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015 và Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2020 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ

chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001223 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Dương sự đã nộp đủ án phí.

Chị N, anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền